
TÁC ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT THAM NHŨNG ĐẾN FDI: BẰNG CHỨNG TỪ MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

Nguyễn Phúc Hiền

Trường Đại học Ngoại thương
Email: hiennguyenphuc@ftu.edu.vn

Tô Thùy Linh

Trường Đại học Ngoại thương
Email: linhtoathuy1312@gmail.com

Mã bài: JED-1837

Ngày nhận: 30/06/2024

Ngày nhận bản sửa: 06/09/2024

Ngày duyệt đăng: 09/10/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.1837

Tóm tắt:

Nghiên cứu này xem xét tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của 21 nước châu Á, bao gồm Việt Nam trong khoảng thời gian 2013-2022. Dựa trên cơ sở lý thuyết chiết trung của Dunning (1977), tác giả xây dựng mô hình ước lượng nghiên cứu tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI. Bằng việc sử dụng mô hình dữ liệu bảng với phương pháp D-GMM để xem xét sự tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI của 21 nước châu Á. Kết quả cho thấy kiểm soát tham nhũng đóng vai trò quan trọng đối với các nước châu Á muốn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cụ thể, tăng cường kiểm soát tham nhũng lên 1 đơn vị (1%) thì thu hút tăng 0,21% FDI trong nhóm nước nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kỳ vọng và một số nghiên cứu trước của Castro & Nunes (2013) và Fiza & cộng sự (2020). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn chỉ ra rằng kiểm soát tham nhũng có tác động mạnh hơn đến FDI trong thời kỳ trước Đại dịch Covid 19. Điều này hàm ý các nước châu Á, bao gồm Việt Nam, cần kiểm soát mạnh tham nhũng nếu muốn thu hút hơn nữa dòng vốn FDI.

Từ khóa: Các nước châu Á, kiểm soát tham nhũng, đầu tư trực tiếp nước ngoài, dữ liệu bảng.
Mã JEL: C33, F43, F21.

Impact of corruption control on foreign direct investment (FDI): An evidence of some Asian countries

Abstract:

This paper examines the impact of corruption control on foreign direct investment (FDI) inflows in 21 Asian countries (including Vietnam) during 2013 and 2022. Based on Dunning's eclectic theory (1977), we construct an estimation model to study the impact of control of corruption on attracting FDI inflow. By using a panel data model and the D-GMM method, we investigate the impact of control of corruption on attracting FDI in 21 Asian countries. The results show that the control of corruption plays a crucial role for Asian countries aiming to attract FDI inflow. Particularly, the control of corruption has a positive impact on attracting FDI in the selected countries. This result is consistent with the previous researches by Castro & Nunes (2013) and Fiza et al. (2020). Additionally, the research results indicate that corruption control has a stronger impact on FDI before the Covid-19 period. These findings imply that these Asian countries, including Vietnam, need to control corruption firmly if they want to attract more FDI inflow.

Keywords: Asian countries, control of corruption, foreign direct investment (FDI), panel data
JEL Codes: C33, F43, F21.

1. Giới thiệu

Tham nhũng được coi là một vấn đề nghiêm trọng, tác động xấu đến kinh tế - xã hội của các nước, khu vực trên thế giới. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) tham nhũng làm giảm GDP trung bình 1% ở các nước châu Á, gây khó khăn cho các hoạt động kinh doanh, giảm niềm tin của nhà đầu tư, dẫn đến đầu tư thấp và tăng trưởng kinh tế chậm lại. Tham nhũng cũng làm tăng bất bình đẳng thu nhập, khiến cho người dân chịu ảnh hưởng nặng nề.

Theo khảo sát của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, tham nhũng được coi là một trong những rào cản lớn nhất cho FDI ở châu Á. Các nhà đầu tư nước ngoài thường e ngại tham nhũng vì nó làm tăng chi phí kinh doanh, giảm lợi nhuận. Theo chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) phát triển bởi Tổ chức minh bạch quốc tế (TI), điểm số CPI trung bình của châu Á có xu hướng tăng nhẹ nhưng chậm và không đều giữa các nước trong khoảng thời gian 2013-2022. Trong giai đoạn này, điểm số CPI trung bình của châu Á đã tăng từ 38 điểm vào năm 2013 lên 43 điểm vào năm 2022. Đối với 21 quốc gia châu Á trong mẫu nghiên cứu, các quốc gia có mức độ tham nhũng được cải thiện đáng kể trong khoảng thời gian 2013-2022 bao gồm Trung Quốc (+16 điểm), Việt Nam (+7 điểm), Campuchia (+3 điểm), Đông Timor (+6 điểm) và Ấn Độ (+2 điểm). Tuy nhiên, một số quốc gia có điểm số CPI giảm trong giai đoạn này, bao gồm Thổ Nhĩ Kỳ (-4 điểm), Bangladesh (-1 điểm) và Philippines (-1 điểm).

Do tầm quan trọng của kiểm soát tham nhũng đến phát triển kinh tế xã hội và thu hút FDI, nên việc kiểm soát tham nhũng đang trở thành chủ đề quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách, đặc biệt các nước ở khu vực châu Á, nơi được xem là khu vực thu hút FDI năng động bậc nhất trên thế giới. Thời gian qua đã có nhiều nghiên cứu cả lý thuyết và thực nghiệm về tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI và tăng trưởng kinh tế như lý thuyết chiết trung của Dunning (1977) hay lý thuyết địa phương hóa của Paul Krugman (1980) và các nghiên cứu thực nghiệm của Lê Thị Phương Vy & cộng sự (2018) nghiên cứu mối quan hệ tham nhũng và FDI của 31 nước châu Á giai đoạn 2005-2013 hay nghiên cứu của Fiza & cộng sự (2020) xem xét mối liên kết giữa FDI, tham nhũng và phát triển kinh tế của 54 quốc gia phát triển và đang phát triển bằng cách sử dụng mô hình GMM dựa trên dữ liệu bảng từ 1996 đến 2018. Các nghiên cứu mang lại kết quả khác nhau dựa trên phương pháp và khoảng thời gian và không gian nghiên cứu khác nhau. Nghiên cứu này đặt ra câu hỏi là việc kiểm soát tham nhũng có tác động đến thu hút FDI ở các quốc gia ở châu Á không và nếu có thì mức độ ảnh hưởng là như thế nào trong giai đoạn trước và giai đoạn Đại dịch Covid-19? Để trả lời được câu hỏi trên, nghiên cứu này sẽ dựa trên mô hình của Dunning để xem xét tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI ở 21 nước châu Á, bao gồm cả Việt Nam, giai đoạn 2013-2022 với dữ liệu bảng bằng phương pháp D-GMM. Nghiên cứu cũng ước lượng giai đoạn trước Đại dịch Covid 19 và trong giai đoạn Đại dịch để làm rõ hơn ảnh hưởng như thế nào.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về lý thuyết

Lý thuyết chiết trung của Dunning (1977) là một trong những lý thuyết cơ bản trong việc giải thích hoạt động FDI, dựa trên ba yếu tố chính: lợi thế về sở hữu, lợi thế về địa điểm và lợi thế về nội bộ hóa. Trong bối cảnh này, lợi thế về địa điểm được coi là nhân tố quan trọng nhất để thu hút dòng vốn đầu tư, trong đó mức độ kiểm soát tham nhũng là yếu tố quan trọng. Theo Dunning (1977), tham nhũng được coi là một loại thuế đối với các nhà đầu tư nước ngoài, làm giảm động lực đầu tư vào những quốc gia có mức độ tham nhũng cao bởi khi tham nhũng tăng, rủi ro và chi phí không chính thức mà nhà đầu tư phải chịu cũng tăng theo. Shleifer & Vishny (1993) và Mauro (1995) cho rằng tham nhũng càng cao đồng nghĩa với việc một phần tiền thu được từ khoản đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài bị các quan chức của quốc gia chủ nhà thụ hưởng. Trong khi đó, Kaufmann & Wei (1999) và Phan Anh Tú (2012, 2013) chỉ ra rằng chi phí đầu tư tăng cao và lợi nhuận đầu tư giảm là do các khoản tiền tham nhũng được thực hiện nhằm phát hành các giấy phép phục vụ cho việc đầu tư.

Một số lý thuyết kinh tế liên quan tới lợi thế địa điểm cũng nhấn mạnh vào tác động tiêu cực của tham nhũng tới việc thu hút FDI như lý thuyết cổ điển (David Ricardo, 1817) tập trung vào lợi thế so sánh về chi phí giữa các quốc gia, trong đó tham nhũng được xem như một yếu tố làm tăng chi phí và giảm lợi thế cạnh tranh của một quốc gia. Ngoài ra, lý thuyết này cũng chỉ ra các yếu tố như vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, quy mô thị trường, chi phí lao động, tài nguyên và chính sách hỗ trợ từ chính phủ đóng vai trò quan trọng trong

việc xác định lợi thế địa điểm. Tham nhũng làm suy yếu các yếu tố này, làm giảm khả năng thu hút FDI.

Lý thuyết địa phương hóa (Paul Krugman, 1980) cho rằng tập trung kinh tế trong các cụm kinh tế nhỏ tạo ra các yếu tố thuận lợi bên ngoài, ảnh hưởng tích cực đến sức hấp dẫn của một địa điểm đối với FDI. Tuy nhiên, mức độ tham nhũng cao có thể làm giảm lợi ích kinh tế mà các doanh nghiệp có thể khai thác từ các cụm kinh tế này, do chi phí bổ sung và rủi ro không lường trước được. Điều này cũng đã được khẳng định trước đó bởi lý thuyết về vòng đời sản phẩm (Raymond Vernon, 1966). Lý thuyết này giải thích cách các công ty quyết định lựa chọn xuất khẩu và sản xuất ở nước ngoài dựa trên giai đoạn sống của sản phẩm. Khi sản phẩm trở nên quen thuộc và thị trường phát triển, các doanh nghiệp có thể chọn đầu tư sản xuất trực tiếp tại các nước khác để tận dụng chi phí lao động thấp và tiếp cận thị trường địa phương. Tuy nhiên, mức độ tham nhũng cao tại các quốc gia tiếp nhận đầu tư có thể làm giảm lợi ích của việc đầu tư, do các chi phí và rủi ro nêu trên.

Phương pháp tiếp cận chi phí thông tin (Joseph & Bruce, 1986) cho rằng các địa điểm đô thị, thành phố hoặc gần các khu công nghiệp thường hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài hơn do giảm chi phí thu thập thông tin. Tuy nhiên, tham nhũng làm tăng chi phí thông tin và giảm khả năng tiếp cận thông tin chính xác, từ đó làm giảm sức hấp dẫn của các địa điểm này.

2.2. Các nghiên cứu về thực nghiệm

Một số nghiên cứu hỗ trợ lý thuyết rằng tham nhũng có tác động tiêu cực đến thu hút FDI, làm giảm động lực đầu tư do rủi ro và chi phí không chính thức. Habib & Zurawwici (2002) chứng minh rằng mức độ tham nhũng cao là yếu tố làm giảm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính trên dữ liệu bảng từ 111 quốc gia trong giai đoạn 1994-1998 và chỉ ra rằng nhà đầu tư nước ngoài thường tránh các quốc gia có mức tham nhũng cao do họ coi tham nhũng là phi đạo đức và rủi ro.

Abed & Davoodi (2002) sử dụng mô hình hồi quy OLS để phân tích dữ liệu bảng và dữ liệu chéo từ 25 nền kinh tế đang chuyển đổi trong giai đoạn 1994-1998. Kết quả nghiên cứu cho thấy các quốc gia có mức tham nhũng thấp thường thu hút được nhiều FDI hơn các quốc gia có mức tham nhũng cao. Điều này cũng được khẳng định bởi Castro & Nunes (2013), khi sử dụng mô hình hồi quy GLS và phương pháp tác động cố định FEM trên dữ liệu từ 73 quốc gia trong giai đoạn 1998-2008 và kết luận rằng kiểm soát tham nhũng là yếu tố quyết định trong việc thu hút FDI và các nước với mức độ tham nhũng thấp thường thu hút mức FDI lớn hơn. Mathur & Singh (2013) thông qua nghiên cứu 29 quốc gia từ 1980-2000 bằng cách sử dụng mô hình hồi quy GLS và phương pháp REM, đã cho ra kết luận tương tự.

Võ Văn Dứt & cộng sự (2015) đã sử dụng mô hình hồi quy đa biến với hai phương pháp: tác động cố định FEM và tác động ngẫu nhiên REM để ước lượng mối quan hệ giữa tham nhũng và dòng vốn FDI vào 30 nước châu Á trong giai đoạn 2004-2013. Kết quả cho thấy một quốc gia có mức tham nhũng cao sẽ ít thu hút FDI hơn, phù hợp với lý thuyết chiết trung của Dunning, theo đó tham nhũng được coi là một loại thuế đối với nhà đầu tư nước ngoài, từ đó làm giảm động lực đầu tư.

Lê Thị Phương Vy & cộng sự (2018) đã áp dụng mô hình ước lượng bình phương nhỏ nhất gộp POLS với hai phương pháp: tác động cố định FEM và tác động ngẫu nhiên REM, đồng thời kết hợp mô hình GMM để phân tích mối quan hệ giữa mức độ tham nhũng và FDI vào 31 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2005-2014. Kết quả cho thấy tham nhũng có ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn FDI, đặc biệt khi mức độ tham nhũng ở quốc gia nhận đầu tư cao hơn so với quốc gia đầu tư.

Fiza & cộng sự (2020) sử dụng mô hình GMM trên dữ liệu bảng của 54 quốc gia phát triển và đang phát triển từ 1996 đến 2018 để xem xét mối liên kết giữa FDI, tham nhũng và phát triển kinh tế. Kết quả cho thấy ở các nước phát triển, kiểm soát tham nhũng có liên quan tích cực đến FDI và tăng trưởng kinh tế, cho thấy các cơ quan tổ chức mạnh mẽ và cơ chế điều chỉnh khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế.

Một số nghiên cứu khác lại cho rằng tham nhũng có thể có tác động tích cực đến thu hút FDI, do tham nhũng có thể giúp doanh nghiệp vượt qua các rào cản hành chính và tạo ra lợi thế cạnh tranh. Egger & Winner (2005) thông qua nghiên cứu một mẫu gồm 73 quốc gia đang phát triển và phát triển trong khoảng thời gian từ năm 1995 tới 1999, chỉ ra rằng tham nhũng có thể giúp các doanh nghiệp vượt qua các quy định phức tạp và các rào cản hành chính, từ đó thu hút FDI. Cũng ở trong nghiên cứu của Fiza & cộng sự (2020), kết quả cho thấy ở các nước đang phát triển, mức độ tham nhũng cao và chất lượng quản trị yếu kém thúc đẩy đầu tư và tiến bộ kinh tế. Tức là, trong một số trường hợp, tham nhũng có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh

nhất định cho các doanh nghiệp.

Tóm lại, mặc dù đã có một số nghiên cứu cả lý thuyết và thực nghiệm về tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI, tuy nhiên cần có nghiên cứu cập nhật xem xét tác động này cả giai đoạn trước Đại dịch Covid 19 và cả trong giai đoạn Đại dịch với phương pháp đáng tin cậy D-GMM trên cơ sở dữ liệu bảng của 21 nước ở khu vực châu Á giai đoạn 2013-2022.

3. Thực trạng về tham nhũng và thu hút FDI

Bảng 1 cho thấy giai đoạn 2013 đến 2022 các nước khu vực châu Á (21 nước nghiên cứu) có nhiều cải thiện trong việc tăng cường kiểm soát tham nhũng, chỉ số kiểm soát tham nhũng CPI tăng điểm bình quân từ 41,79 (2013) lên 44,99 (2022). Khu vực Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc ...) duy trì mức chỉ số kiểm soát tham nhũng khá cao so với khu vực khác ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á và Trung Á), với điểm số tăng từ 61,97 (2013) lên 64,29 (2021) và giảm xuống 63,92 (2022) do ảnh hưởng của Đại dịch Covid 19. Điểm số này cho thấy Đông Á đã thực hiện kiểm soát tham nhũng khá hiệu quả trong giai đoạn này, đặc biệt, từ năm 2016 chỉ số này có xu hướng tăng và giữ ổn định.

Bảng 1: Chỉ số kiểm soát tham nhũng của các khu vực châu Á giai đoạn 2013-2022

Khu vực	Đơn vị: Điểm				
	Đông Á	Đông Nam Á	Nam Á	Trung Á	Trung bình
2013	61,97	45,14	25,12	34,91	41,79
2014	61,54	45,31	27,24	35,74	42,46
2015	60,00	44,35	29,05	34,21	41,90
2016	59,76	43,45	26,67	34,76	41,16
2017	60,48	44,11	28,73	34,05	41,84
2018	61,19	44,70	29,68	38,57	43,54
2019	61,31	43,10	27,30	41,83	43,39
2020	63,21	44,94	28,10	40,16	44,10
2021	64,29	46,37	28,89	43,73	45,82
2022	63,92	46,29	27,52	42,22	44,99

Nguồn: Tổng hợp từ WDI.

Nam Á có chỉ số kiểm soát tham nhũng thấp nhất trong tất cả các khu vực, dao động từ 25,12 đến 29,68. Tuy nhiên, chỉ số này có sự biến động lớn hơn so với các khu vực khác, với một số năm có sự cải thiện (2015 và 2018) nhưng không duy trì được ổn định và xu hướng tăng dài hạn do chính sách kiểm soát tham nhũng không ổn định và nhất quán.

Trung Á có sự cải thiện rõ rệt nhất về kiểm soát tham nhũng trong giai đoạn này. Từ năm 2013 với điểm số 34,91, khu vực này đã tăng dần lên 43,73 vào năm 2021 trước khi giảm nhẹ vào năm 2022 (42,22). Điều

Bảng 2: Lượng FDI vào các khu vực châu Á giai đoạn 2013-2022

Khu vực	Đơn vị: Tỷ USD				
	Đông Á	Đông Nam Á	Nam Á	Trung Á	Tổng
2013	79,10	16,21	10,70	4,71	110,72
2014	74,37	15,78	13,00	4,69	107,84
2015	62,98	15,96	16,17	5,47	100,58
2016	55,91	13,78	16,46	6,54	92,69
2017	51,07	20,94	14,76	3,80	90,57
2018	68,70	18,96	15,43	2,73	105,82
2019	59,80	21,72	18,25	3,09	102,86
2020	81,54	15,57	22,65	2,96	122,72
2021	100,88	28,07	16,20	3,28	148,43
2022	64,25	28,75	17,66	3,29	113,95

Nguồn: Tổng hợp từ WDI.

này cho thấy nỗ lực chống tham nhũng và cải thiện môi trường đầu tư khu vực Trung Á.

Bảng 2 cho thấy giai đoạn 2013-2022 Khu vực châu Á vẫn duy trì được việc thu hút FDI với lượng lớn 110 tỷ USD (2013) tăng lên 148 tỷ USD (2021) nhờ cải thiện môi trường đầu tư trong đó có nỗ lực kiểm soát tham nhũng. Khu vực Đông Á nơi kiểm soát tham nhũng tốt nhất cũng là nơi thu hút được vốn FDI cao nhất Khu vực châu Á với số lượng FDI 79,10 tỷ USD năm 2013 (chiếm hơn 70% Khu vực), tuy nhiên giảm dần xuống 51,07 tỷ USD (2017) và tăng mạnh lên hơn 100 tỷ USD vào năm 2021 và tiếp tục tăng đến đỉnh điểm vào năm 2021 (100,88 tỷ USD). Tuy nhiên, năm 2022 lại chứng kiến sự sụt giảm đáng kể xuống còn 64,25 tỷ USD. Sự biến động mạnh thu hút FDI có thể được lý giải bởi những biến động về kinh tế chính trị bên cạnh yếu tố về kiểm soát tham nhũng ở những nước Khu vực này. Khu vực Đông Nam Á cho thấy sự thu hút FDI ổn định và khả quan, đặc biệt từ năm 2017 đến 2022. Lượng FDI tăng từ 15,78 tỷ USD năm 2014 lên đến 28,75 tỷ USD vào năm 2022, cho thấy khu vực này ngày càng trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Việc duy trì và gia tăng FDI qua các năm cho thấy các quốc gia trong khu vực này đã cải thiện được môi trường đầu tư và thu hút nhiều hơn các nguồn vốn ngoại. Khác với các nước Đông Á và Đông Nam Á, Trung Á có lượng FDI thấp nhất trong các khu vực và có sự biến động khá lớn trong giai đoạn này, một phần do vị trí địa lý môi trường đầu tư mặc dù những quốc gia này cũng đã nỗ lực trong việc kiểm soát tham nhũng. FDI đạt đỉnh vào năm 2016 với 6,54 tỷ USD nhưng sau đó giảm xuống dưới 4 tỷ USD trong các năm 2017-2022.

4. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

4.1. Mô hình

Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính và ứng dụng phương pháp hồi quy GMM để nghiên cứu tác động của kiểm soát tham nhũng tới thu hút FDI tại châu Á giai đoạn 2013-2022.

Các biến kiểm soát cho biến FDI được kế thừa từ các lý thuyết về lợi thế địa điểm, đồng thời cũng tiếp nhận theo đề xuất của Võ Văn Dứt & cộng sự (2015) và Lê Thị Phương Vy & cộng sự (2018).

$$FDI = \beta_0 + \beta_1FDI_{t-1} + \beta_2Cor + \beta_3GDP_{gr} + \beta_4Infras + \beta_5Unemp + \beta_6Open + \beta_7Political + \alpha$$

Trong đó β_0 là hệ số chặn, β_i là hệ số góc ($i=1,2,3,4,5,6,7$), α là sai số ngẫu nhiên.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng ước lượng D-GMM của Arellano và Bond (1991), Arellano và Bover (1995), Blundell và Bond (1998). Trong trường hợp các biến vĩ mô trong mô hình có khả năng nội sinh và các vấn đề khác,

Bảng 3: Mô tả các biến

Tên biến	Vai trò	Ký hiệu	Diễn giải biến	Nguồn	Dấu kỳ vọng
Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Biến phụ thuộc	FDI	Tổng giá trị dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào trong nước trên tổng GDP (%)	WDI	
Kiểm soát tham nhũng	Biến độc lập	Cor	Phạm vi từ 0 đến 100. Điểm càng gần 100 thể hiện mức độ kiểm soát tham nhũng cao. Điểm càng gần 0 thể hiện mức độ kiểm soát tham nhũng thấp	WGI	+
Tăng trưởng GDP	Biến độc lập	GDPgr	Phần trăm tăng trưởng hàng năm của GDP (%)	WDI	+
Cơ sở hạ tầng	Biến độc lập	Infras	Số lượng đăng ký thuê bao điện thoại cố định trong một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định. Chỉ số này không chỉ cho biết về sự tiếp cận của dân số đến dịch vụ viễn thông, mà còn phản ánh khả năng kết nối thông tin và giao tiếp trong nền kinh tế (Asiedu, 2002)	WDI	+

Tỉ lệ thất nghiệp	Biến độc lập	Unemp	Tỷ lệ thất nghiệp được tính bằng số người thất nghiệp chia cho tổng số người trong lực lượng lao động (%)	WDI	-
Độ mở nền kinh tế	Biến độc lập	Open	Độ mở của nền kinh tế được đo bằng kim ngạch xuất nhập khẩu chia cho quy mô GDP (%)	WDI	+
Ổn định chính trị	Biến độc lập	Political	Phạm vi từ 0 đến 100. Điểm càng gần 100 thì quốc gia càng có độ ổn định chính trị cao. Điểm càng gần 0 chỉ ra rằng quốc gia có sự bất ổn chính trị cao và có khả năng xảy ra bạo động.	WGI	+

phương pháp ước lượng D-GMM được coi là phù hợp bằng cách sử dụng độ trễ của các biến làm công cụ. Tiếp theo, sự hợp lý của các biến công cụ được đánh giá qua các chỉ số kiểm định giới hạn về nội sinh của mô hình, hay còn gọi là kiểm định Hansen/Sargan. Kiểm định này đặt giả thuyết H0 rằng các biến công cụ không tương quan với sai số trong mô hình, tức là chúng là các biến ngoại sinh. Ngoài ra, các kiểm định về khả năng xảy ra tự tương quan giữa sai số mô hình và giá trị của biến công cụ cũng được thực hiện. Kiểm định Arellano-Bond về tự tương quan đặt giả thuyết H0 rằng không có tự tương quan và được áp dụng cho số dư sai phân. Thông thường, kiểm định tiến trình AR (1) trong sai phân bậc 1 sẽ bác bỏ giả thuyết H0. Do đó, kiểm định AR (2) thường được ưu tiên hơn vì nó kiểm tra tự tương quan ở các cấp độ đặc biệt.

4.3. Biến và dữ liệu

Nghiên cứu thu thập dữ liệu của 21 quốc gia châu Á trong giai đoạn 2013-2022 có sẵn trong báo cáo của Ngân hàng Thế giới. Dưới đây là dữ liệu bảng dùng để ước lượng tác động của kiểm soát tham nhũng lên thu hút vốn FDI của các quốc gia này.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Kết quả chung

Bảng 4: Kết quả ước lượng

Biến	Mô hình cơ sở (1)	Giai đoạn trước Covid (2)	Giai đoạn tác động Covid (3)
FDI _{t-1}	-0,35*** (0,04)	-0,53*** (0,06)	-0,24*** (0,05)
Cor	0,21*** (0,05)	0,55*** (0,13)	0,22*** (0,04)
GDPgr	0,10*** (0,04)	-0,61*** (0,08)	0,05*** (0,02)
Infras	0,73*** (0,22)	3,05*** (0,34)	0,18 (0,14)
Unemp	-0,86*** (0,23)	0,29 (0,76)	-0,25* (0,14)
Open	0,08*** (0,02)	0,44*** (0,10)	0,08*** (0,02)
Political	-0,28*** (0,05)	-0,43** (0,18)	0,13 (0,08)
Số quan sát	147	126	42
Số lượng nhóm	21	21	21
Số lượng biến công cụ	19	18	20

Chú thích: Biến phụ thuộc FDI; *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

Nguồn: Tính từ phần mềm Stata 14.0.

Dựa vào dữ liệu bảng của 21 quốc gia châu Á, tác giả thực hiện kiểm định tác động của kiểm soát tham nhũng đến thu hút FDI bằng phương pháp D-GMM với biến FDI_{it-4} và Cort-5 là biến công cụ. Việc chọn FDI_{it-4} và Cort-5 làm biến công cụ trong phương pháp D-GMM không chỉ giúp cải thiện tính ý nghĩa của các biến trong mô hình mà còn đảm bảo rằng các kiểm định thống kê quan trọng như kiểm định Hansen/Sargan và kiểm định AR (2) đều cho kết quả tốt. Điều này làm tăng độ tin cậy và chính xác của các kết quả nghiên cứu. Kết quả ước lượng mô hình được trình bày ở Bảng 4.

Kết quả hiển thị ở Bảng 4 cột (1) mô hình cơ sở cho thấy: Đầu tư Trực tiếp nước ngoài ở thời điểm trước đó (FDI_{it-1}); kiểm soát tham nhũng (Cor); Tăng trưởng kinh tế (GDP_{gr}); Cơ sở hạ tầng (Infras); Tỷ lệ thất nghiệp (Unemp); Độ mở nền kinh tế (Open) và Ổn định chính trị (Political) đều có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và mức độ tác động khác nhau lên FDI, cụ thể:

Biến Kiểm soát tham nhũng (Cor) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và có tác động dương (0,21) tới thu hút FDI. Theo đó, khi mức kiểm soát tham nhũng tăng 1 đơn vị (1%) thì dòng vốn FDI tăng 0,21% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Việc kiểm soát tham nhũng cho thấy tác động tích cực trung bình đến FDI. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của nghiên cứu và kết quả của Dunning (1977), Abed & Davoodi (2002), Castro & Nunes (2013), Fiza & cộng sự (2020). Điều này cho thấy khi các nước châu Á tăng cường kiểm soát tham nhũng thì sẽ thu hút được nhiều hơn dòng vốn FDI chảy vào trong nước, bao gồm cả Việt Nam.

Nhân tố FDI thời kì trước (FDI_{it-1}) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% nhưng hệ số âm (-0,35), cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa FDI hiện tại và FDI của kỳ trước. Điều này có nghĩa là nếu FDI trong kỳ trước cao, thì FDI trong kỳ hiện tại có xu hướng giảm. Đây là dấu hiệu phản ánh sự bão hòa trong cơ hội đầu tư hoặc sự cạnh tranh gia tăng giữa các khu vực.

Nhân tố tăng trưởng kinh tế (GDP_{gr}) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và tác động dương đến FDI. Khi GDP_{gr} tăng 1% thì khả năng thu hút được FDI tăng khoảng 0,1%. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của bài nghiên cứu và kết luận của Qayoom & cộng sự (2013). Nguyên nhân là do các nhà đầu tư thường xem xét tăng trưởng GDP như một chỉ số của sức khỏe nền kinh tế và triển vọng dài hạn. Tăng trưởng GDP cao thường cho thấy nền kinh tế đang hoạt động tốt và có khả năng tạo ra lợi nhuận tốt hơn, từ đó làm tăng sự hấp dẫn của thị trường cho các nhà đầu tư.

Tương tự, yếu tố Cơ sở hạ tầng (Infras) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và tác động dương (0,73) đến thu hút FDI. Qua đó cho thấy khi cơ sở hạ tầng tăng (giảm) 1% thì dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng (giảm) 0,73%. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với giả thuyết và kết quả của Lê Văn Phúc & cộng sự (2019). Hệ số dương và ý nghĩa thống kê cao của biến Infras chứng tỏ rằng cơ sở hạ tầng có tác động quan trọng và tích cực đến việc thu hút FDI. Khi cơ sở hạ tầng được cải thiện, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có xu hướng tăng lên, điều này có thể giải thích bởi sự giảm chi phí kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tỷ lệ thất nghiệp (Unemp) có tác động tiêu cực đến việc thu hút FDI. Hệ số -0,86 cho thấy rằng khi tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 1%, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm 0,86%. Đây là nhân tố cho thấy tác động mạnh nhất và tiêu cực nhất đến FDI. Có thể thấy rằng khi tỷ lệ thất nghiệp tăng, FDI giảm đáng kể, do đó, các nhà đầu tư quốc tế thường có xu hướng tránh các quốc gia hoặc khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao. Kết quả nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với nghiên cứu của Valli & Masih (2014), khi cho rằng: tỷ lệ thất nghiệp cao cũng có thể dẫn đến các vấn đề xã hội và kinh tế như bất ổn xã hội, chi phí phúc lợi cao, và giảm sức mua của người tiêu dùng, từ đó làm giảm lợi nhuận dự kiến của các nhà đầu tư.

Biến Độ mở nền kinh tế (Open) có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và hệ số hồi quy dương (0,08). Theo đó, khi độ mở nền kinh tế tăng (giảm) 1% thì dòng vốn FDI tăng (giảm) 0,08%. Điều này thể hiện tác động cùng chiều của độ mở nền kinh tế tới thu hút FDI, phù hợp với kỳ vọng của bài nghiên cứu và kết luận của Hao (2023). Mặc dù độ mở nền kinh tế có tác động tích cực đến thu hút FDI, tuy nhiên đây là yếu tố tác động yếu nhất trong mô hình. Điều này có nghĩa là việc tăng độ mở nền kinh tế chỉ đóng góp một phần nhỏ vào việc thu hút FDI. Do đó, để dòng chảy FDI trở nên mạnh mẽ hơn, nền kinh tế vẫn cần phải duy trì và nâng cao độ mở cửa, bằng cách giảm thiểu rào cản thương mại, nâng cấp cơ sở hạ tầng; bên cạnh đó là đảm bảo các quy định pháp lý rõ ràng để tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

Kết quả bất ngờ là biến Ổn định chính trị có tác động ngược chiều tới FDI. Theo đó, khi ổn định chính trị tăng (giảm) 1 đơn vị thì dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm (tăng) 0,28 đơn vị. Điều này trái với kỳ vọng trong nghiên cứu và kết luận của Polyxeni & Theodore (2022). Kết quả trên có thể là do sự phức tạp

của mối quan hệ giữa ổn định chính trị và đầu tư. Trong khi ổn định chính trị thường được coi là yếu tố tích cực trong nhiều nghiên cứu, các yếu tố như thiếu cạnh tranh, chính sách kinh tế không hiệu quả, và bối cảnh cụ thể có thể dẫn đến những tác động trái ngược.

5.2. Kết quả giai đoạn trước và trong đại dịch Covid-19.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 4 cột (2), (3) cho thấy: Trong thời kỳ không có Covid, kiểm soát tham nhũng có tác động tích cực mạnh mẽ đến FDI, với hệ số hồi quy là 0,55. Điều này có nghĩa là khi mức độ kiểm soát tham nhũng tăng 1 đơn vị, dòng vốn FDI tăng 0,55 đơn vị. Tác động này có ý nghĩa thống kê cao, cho thấy rằng trong điều kiện bình thường, các nhà đầu tư rất coi trọng mức độ kiểm soát tham nhũng khi quyết định đầu tư. Điều này là bởi vì kiểm soát tham nhũng giúp tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định, từ đó gia tăng niềm tin của nhà đầu tư. Minh chứng rõ ràng cho điều này là Singapore và Hồng Kông. Trước khi Đại dịch Covid-19 bùng phát, các quốc gia này có mức độ kiểm soát tham nhũng tốt và thu hút được lượng FDI lớn.

Tuy nhiên, trong thời kỳ Đại dịch Covid-19, kiểm soát tham nhũng vẫn có tác động tích cực đến FDI, nhưng tác động này đã giảm đáng kể, với hệ số hồi quy chỉ còn 0,22. Điều này cho thấy mức độ ảnh hưởng của kiểm soát tham nhũng đối với FDI đã yếu đi so với thời kỳ không Covid. Sự suy giảm này có thể được giải thích bởi sự thay đổi trong ưu tiên của các nhà đầu tư, khi họ có thể tập trung hơn vào các yếu tố khác như tính linh hoạt của chính sách, sự hỗ trợ của chính phủ, và khả năng quản lý khủng hoảng trong bối cảnh đại dịch. Ví dụ, Việt Nam được coi là một trong những quốc gia quản lý đại dịch hiệu quả nhất ở khu vực Châu Á nhờ vào các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt và nhanh chóng. Mặc dù mức độ kiểm soát tham nhũng ở Việt Nam không cao bằng Singapore, nhưng Việt Nam vẫn thu hút được nhiều FDI trong thời kỳ Covid nhờ vào khả năng kiểm soát dịch bệnh, hỗ trợ doanh nghiệp, và các chính sách khuyến khích đầu tư. Ngược lại, Ấn Độ, nơi kiểm soát tham nhũng chưa thực sự hiệu quả và gặp khó khăn trong quản lý đại dịch đã chứng kiến sự dòng FDI suy giảm. Mặc dù Ấn Độ có tiềm năng thị trường lớn, tuy nhiên, sự không ổn định trong quản lý dịch bệnh và chính sách có thể khiến nhà đầu tư e ngại hơn, dẫn đến việc các yếu tố khác như kiểm soát tham nhũng mất đi sức ảnh hưởng ban đầu.

6. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này đã cho thấy rằng kiểm soát tham nhũng đóng vai trò quan trọng đối với các nước muốn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bao gồm cả giai đoạn trước và giai đoạn có Đại dịch. Kết quả cho thấy rằng khi các quốc gia châu Á tăng cường kiểm soát tham nhũng, thì khả năng thu hút FDI sẽ tăng lên đáng kể trong điều kiện bình thường. Điều này gợi ý các chính phủ các nước châu Á cần thiết kế và thực thi các chính sách kiểm soát tham nhũng nhằm tăng cường thu hút FDI trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt thu hút nhà đầu tư quốc tế giữa các nước và khu vực trên thế giới. Một số gợi ý chính sách có thể kiểm soát tham nhũng như: (1) minh bạch hóa thông tin về chính sách, tài sản, thu nhập của quan chức, công khai hợp đồng và dự án đầu tư công; (2) tăng cường kiểm tra giám sát, kiểm soát nội bộ, kiểm soát chéo và hậu kiểm; (3) cải cách thủ tục hành chính, hiện thực hóa nền hành chính công điện tử từ cấp cơ sở đến trung ương và (4) tăng cường tính độc lập của hệ thống tư pháp.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng gợi mở một số khuyến nghị chính sách nhằm thu hút vốn FDI. Cụ thể, chính sách cải thiện cơ sở hạ tầng thông qua đầu tư vào hạ tầng giao thông, cải thiện hạ tầng kỹ thuật số, công nghệ viễn thông, nhất là trong bối cảnh công nghiệp 4.0 và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ AI. Chính sách cải thiện độ mở nền kinh tế thông qua thúc đẩy gia nhập các hiệp định thương mại tự do và hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu, tăng cường đối thoại và hợp tác chính sách. Thúc đẩy tăng trưởng GDP thông qua phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, phát triển kinh tế xanh và bền vững, ổn định chính sách kinh tế vĩ mô. Giảm tỷ lệ thất nghiệp giúp thu hút FDI, đến lượt nó thu hút FDI làm giảm hơn nữa tỷ lệ thất nghiệp của nền kinh tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, bài nghiên cứu cũng tồn tại một số hạn chế: (1) phạm vi nghiên cứu còn hạn chế; (2) nghiên cứu chưa kiểm soát được tất cả các biến nhiễu có khả năng tác động đến mối quan hệ giữa chính sách kiểm soát tham nhũng và thu hút FDI; (3) nghiên cứu chưa đề cập đến sự khác biệt về văn hóa và thể chế giữa các nước đầu tư và nhận đầu tư, cũng như sự chênh lệch về mức độ tham nhũng giữa các quốc gia này. Những hạn chế này sẽ là động lực cho các nghiên cứu tiếp theo.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Thống kê mô tả giá trị các biến trong mô hình

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
FDI	210	3,87	7,42	-37,17	32,70
Cor	210	43,66	23,80	8,06	99,05
GDPgr	210	4,29	4,52	-20,54	31,96
Infras	210	14,57	14,72	0,14	60,55
Unemp	210	5,06	3,56	0,12	19,42
Open	210	89,05	66,18	24,70	367,04
Political	210	38,34	24,47	0,95	99,05

Nguồn: Tính từ phần mềm Stata 14.0.

Phụ lục 2: Ma trận tương quan các biến trong mô hình

	FDI	Cor	GDPgr	Infras	Unemp	Open	Political
FDI	1,00						
Cor	0,26	1,00					
GDPgr	-0,10	-0,14	1,00				
Infras	0,17	0,71	-0,22	1,00			
Unemp	-0,00	0,16	0,00	0,07	1,00		
Open	0,66	0,44	-0,02	0,21	-0,15	1,00	
Political	0,38	0,61	-0,12	0,61	-0,25	0,60	1,00

Nguồn: Tính từ phần mềm Stata 14.0.

Tài liệu tham khảo

- Abed, G. T., & Davoodi, H. R. (2002), 'Corruption, structural reforms, and economic performance in the transition economies', *IMF Working Paper*, 1-48.
- Asiedu, E. (2002), 'On the Determinants of Foreign Direct Investment to Developing Countries: Is Africa Different?', *World Development*, 30, 107-119.
- Castro, C., & Nunes, P. (2013). 'Does Corruption Inhibit Foreign Direct Investment? Politics', *Journal of Political Science*, 51, 61-83.
- David, R. (1817), 'On the Principles of Political Economy and Taxation (John Murray, London)', In: Sraffa, P., Ed., *The Works and Correspondence of David Ricardo*, Vol. 1, Cambridge University Press, Cambridge, 1951.
- Dunning, J. H. (1977), 'Trade, location of economic activity and MNE: A Search for an Eclectic Approach', In: Ohlin, B., Hesselborn, P.O. and Wijkman, P.M., Eds., *The International Allocation of Economic Activity*, MacMillan, London, 395-418.
- Egger, P., & Winner, H. (2005), 'Evidence on corruption as an incentive for foreign direct investment', *European Journal of Political Economy*, 21, 932-952.
- Fiza, Q., Saba, Q., Xuan, V. V., & Ikramuddin, J. (2020), 'Revisiting the nexus among foreign direct investment, corruption and growth in developing and developed markets', *Borsa Istanbul Rev.*, 21 (1) (2021), 80-91.
- Habib, M., & Zurawwicki, L. (2002), 'Corruption and foreign direct investment', *Journal of International Business Studies*, 33, 291-307.
- Hao, Y. (2023), 'The dynamic relationship between trade openness, foreign direct investment, capital formation, and

-
- industrial economic growth in China: new evidence from ARDL bounds testing approach', *Humanit Soc Sci Commun*, 10, 160.
- Joseph, S., & Bruce, G. (1986), 'Externalities in Economies with Imperfect Information and Incomplete Markets', *The Quarterly Journal of Economics*, 101(2), 229-264.
- Kaufmann, D. & Wei, S. (1999), 'Does "Grease Money" Speed Up the Wheels of Commerce', *NBER Working Paper*, No. w7093.
- Lê, T. P. V., Lê, V. H., & Đặng, V. C. (2018), 'Ảnh hưởng của tham nhũng đến thu hút dòng vốn FDI ở các nước Châu Á', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 252, 11-21.
- Lê, V. P., & Bùi, A. T. (2019), 'Các nhân tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thừa Thiên Huế', *Tạp chí khoa học Đại học Khánh Hòa*, 1(3), 39-48.
- Mathur, A., & Singh, K. (2013), 'Foreign direct investment, corruption and democracy', *Applied Economics*, 45(8), 991-1002.
- Mauro, P. (1995), 'Corruption and growth', *Quarterly Journal of Economics*, 110(3), 681-712.
- Paul, K. (1980), 'Scale Economies, Product Differentiation and the Patterns of Trade', *American Economic Review*, 70, 950-959.
- Phan, A. T. (2012), 'Doanh nghiệp, bối cảnh, hối lộ, bằng chứng các DNTN ở ĐBSCL, Việt Nam', *Kỷ yếu khoa học Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh*, Trường Đại học Cần Thơ năm 2012, 56-69.
- Phan, A. T. (2013), 'Tham nhũng định nghĩa và phân loại', *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 25, 1-7.
- Polyxeni, K., & Theodore, M. (2022), 'FDI and Institutions in BRIC and CIVETS Countries: An Empirical Investigation', *Economies*, 10(4), 77.
- Qayoom, A., Ramachandran, M., & Sofi, I. (2013), 'Determinants of FDI inflows to developing countries: A panel data analysis', *Journal of International Business and Economy*, 14(2), 29-47.
- Raymond, V. (1966), 'International investment and international trade in the product cycle', *The Quarterly Journal of Economics*, 80(2), 190-207.
- Shleifer, A., & Vishny, R. (1993), Corruption, [Accessed 10 June 2024]. Available at: <https://scholar.harvard.edu/files/shleifer/files/corruption.pdf>
- Valli, M., & Masih, M. (2014), 'Is there any causality between inflation and FDI in an 'inflation targeting' regime? Evidence from South Africa', *Munich Personal RePEc Archive*, 60246.
- Võ, V. D., & Nguyễn, T. P. N. (2015), 'Ảnh hưởng của tham nhũng đến dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các quốc gia Châu Á', *Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở TP.HCM*, 10(3), 162-172.